

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Đề cương, dự toán**  
**Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2018 thị xã Bỉm Sơn**

**CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ BỈM SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 11/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 04/2006/TT-BTNMT ngày 22/5/2006 hướng dẫn phương pháp tính đơn giá dự toán, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; số 09/2015/TT-BTNMT ngày 23/3/2015 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 347 /TTr-TNMT ngày 21 tháng 9 năm 2017 về việc đề nghị phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ và dự toán Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2018 thị xã Bỉm Sơn;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt duyệt Đề cương, nhiệm vụ và dự toán Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2018 thị xã Bỉm Sơn gồm những nội dung chính sau:

**1. Tên Dự án:** Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 thị xã Bỉm Sơn.

**2. Nội dung Đề cương lập kế hoạch sử dụng đất năm 2018 thị xã Bỉm Sơn:** Đề cương Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 được thực hiện theo Mẫu 5.7/BC-QH của Phụ lục số 05 Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

*(Có Đề cương kèm theo)*

**3. Dự toán kinh phí lập Kế hoạch sử dụng đất 2018:** 221.554.700 đồng  
*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi một triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm đồng.*

*(Có dự toán chi tiết kèm theo)*

**4. Nguồn vốn:** Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước

**5. Thời gian thực hiện, hoàn thiện:** 01 tháng sau khi đề cương, dự toán được phê duyệt.

**Điều 2.** Căn cứ nội dung tại Điều 1 Quyết định này, phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài chính Kế hoạch tham mưu triển khai các bước tiếp theo để lập Kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng UBND&HĐND Thị xã, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Tài Chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Các PCT UBNDTX (để chỉ đạo t/h);
- Lưu: VT, TNMT.



**Bùi Huy Hùng**

# ĐỀ CƯƠNG LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2018 THỊ XÃ BỈM SƠN



## I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

- 1.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.
- 1.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.
- 1.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

## III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

### 3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Xác định chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

### 3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trên địa bàn cấp huyện trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

#### 3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Xác định chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng phải phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp huyện.

#### 3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

Xác định nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn cấp huyện. Nêu và luận chứng diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng, diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang trong năm kế hoạch.

### 3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực nêu tại điểm 2.1 và 2.2 trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

### 3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

### 3.5. Diện tích đất cần thu hồi

Xác định diện tích đất cần thu hồi trong năm kế hoạch theo từng đơn vị hành chính cấp xã.

### 3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch theo từng đơn vị hành chính cấp xã.

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch (bao gồm các công trình, dự án của kế hoạch sử dụng đất cấp trên phân bổ và các công trình, dự án của cấp lập kế hoạch).

a) Các dự án quy định tại Điều 61 và Khoản 1, 2 Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch;

b) Các dự án quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước; có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại;

c) Vùng phụ cận dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn để đầu tư giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh trong năm kế hoạch đã có chủ trương bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

#### **IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

4.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

4.2. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

### **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

.....

### **HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU**

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ**

**Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2018 thị xã Bim Sơn**

TT	Hạng mục	Hệ số áp lực về kinh tế (Kkt)	Hệ số áp lực về dân số (Kds)	Hệ số quy mô về diện tích (Ks)	Hệ số đơn vị hành chính (Khc)	Hệ số áp lực về đô thị (Kđt)	Chi phí trực tiếp (A1)		Chi phí chung (A2)	Chi phí trong đơn giá
							Đơn giá	Thành tiền $Mt = Mt_b * Kkt * Kds * Ks * Khc * Kđt$		
I	<b>Chi phí đơn giá sản phẩm</b>						<b>154,308,803</b>	<b>119,686,845</b>	<b>41,890,396</b>	<b>161,577,000</b>
1	Nội nghiệp	1.1	1.13	0.65	0.8	1.2	120,984,496	93,839,447	17,953,027	111,792,474
2	Ngoại nghiệp	1.1	1.13	0.65	0.8	1.2	33,324,307	25,847,399	23,937,369	49,784,768
	<b>Thuế VAT (10%) phải nộp</b>						<b>15,430,880</b>	<b>11,968,685</b>	<b>4,189,040</b>	<b>16,157,700</b>
	<b>Chi phí đơn giá sản phẩm sau thuế</b>						<b>169,739,683</b>	<b>131,655,530</b>	<b>46,079,435</b>	<b>177,734,700</b>
II	<b>Chi phí khác</b>									<b>43,820,000</b>
1	Chi phí khảo sát, thẩm định và xét duyệt dự án = $Mx * 6,46\%$									10,437,874
2	Chi phí thẩm định, xét duyệt sản phẩm của dự án = $Mx * 8,23\%$									13,297,787
3	Chi phí công bố quy hoạch = $Mx * 6,23\%$									10,066,247
4	Chi phí quản lý dự án đầu tư = $Mx * 6,62\%$									10,017,774
III	<b>Tổng dự toán sau thuế</b>									<b>221,554,700</b>

**Bảng chữ: Hai trăm hai triệu một triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm đồng./.**